TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 07 – 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bé;

Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 26/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 24/5/2024, đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1951 (chết) và bà Trần Thị B1, sinh năm 1960, có chồng Nguyễn Thành V, sinh năm 1984 và 03 con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 25/9/2023 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề (đã nộp phạt xong); nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Tuấn Anh K, sinh năm 2005, vắng mặt.
2. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978, vắng mặt.
3. Trương Thị T, sinh năm 1978, vắng mặt.
4. Lê Văn M, sinh năm 1955, vắng mặt.
5. Phạm Thị N1, sinh năm 1955, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Trần Ngọc H, sinh năm 1981, Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh

Đồng Tháp; Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/10/2023, bị cáo Trần Thị N cùng với Nguyễn Thị Kim L, Trương Thị T, Phạm Thị N1, Lê Văn M, Nguyễn Tuấn A Kiệt tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền tại bãi đất trống thuộc ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, với hình thức đánh bài binh ấn độ 6 lá, mỗi người làm cái 01 ván bài, người đặt cược từ 10.000 đồng – 50.000 đồng/1 vái bài, thì bị Công an đến bắt quả tang.

- Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 840.000 đồng; 03 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu.

- Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSTN ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Trần Thị N phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N: 03 – 05 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 840.000đ và tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu.

- Đối với hành vi của Nguyễn Tuấn Anh K, Nguyễn Thị Kim L, Trương Thị T, Phạm Thị N1, Lê Văn M, chưa có tiền án, tiền sự, số tiền thu giữ tại chiếu bạc không đủ định lượng để xử lý hình sự về hành vi " Đánh bạc", nên Công an xã P, huyện T đã xử phạt vi phạm hành chính.

- Lời nói sau cùng của bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo N thừa nhận đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (chơi số đề) đã nộp phạt xong nhưng vẫn chơi đánh bạc với hình thức chơi bài binh 6 lá, bị cáo đã sử dụng 60.000 đồng để đánh bạc và thua hết (mỗi ván đặt 20.000 đồng), số tiền 50.000 đồng thu tại chiếu bạc là của bị cáo sử dụng đánh bạc, đánh rơi lúc bỏ chạy.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Xét thấy, với lời khai trên của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa hôm nay, nên đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, là hành vi bị nghiêm cấm, nên cần thiết phải xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục và răn đe tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng : không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội đang mang thai; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần áp dụng các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Đánh bạc được thua bằng tiền là trái phép. Trong thời gian gần đây tệ nạn đánh bạc diễn ra hết sức phức tạp bằng nhiều hình thức, đang có chiều hướng gia tăng, gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Bản thân bị cáo có đủ khả năng nhận thức được điều này nhưng vì vụ lợi cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của bị cáo, nghĩ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống để được giáo dục trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[6] Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

+ Về số tiền thu tại chiếu bạc, dùng để đánh bạc, bị cáo và những người liên quan tự nguyện nộp tổng cộng 840.000đ, gồm của bị cáo 50.000 đồng; của Trương Thị T 240.000 đồng, của Lê Văn M 360.000 đồng, của Nguyễn Tuấn A Kiệt 190.000 đồng, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Về 03 bộ bài tây (loại 52 lá), trong đó 02 bộ đã sử dụng, 01 bộ chưa sử dụng và 01 chiếc chiếu là công cụ phạm tội, vật không giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc bị cáo chịu án phí 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "*Đánh bạc"*.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị N: 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 840.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây (02 bộ đã sử dụng, 01 bộ chưa sử dụng) và 01 chiếc chiếu, kích thước 1,6 x 2m.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số: 18/QĐ-VKSTN ngày 25/4/2024).

- *Án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THA HS CA huyện Tam Nông;
- CC THA DS huyện Tam Nông;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA